



Số : ...38.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC riêng năm 2020

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2021

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

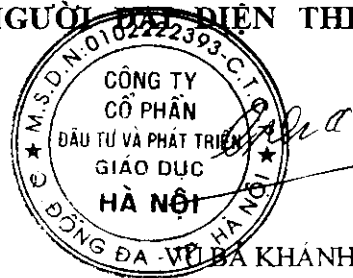
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ -- Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng năm 2020 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 05/02/2021).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC

M NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 41

HC

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	
Ông: Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà: Trần Thị Như Hà	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Bà: Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà: Đỗ Thị Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà: Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01/01/2021)
Bà: Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông: Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10/08/2020)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông: Phan Đức Minh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

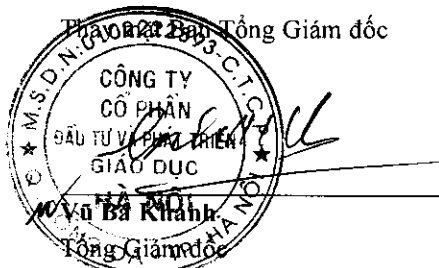
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phạm Văn Tuấn Tổng Giám đốc



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 05/02/2021, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



The stamp is circular with the text 'CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC' around the perimeter and 'AASC' in the center. A signature is written over the stamp.

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2018-002-1
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021



The signature is written in cursive over a horizontal line.

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 2290-2018-002-1



A partial circular stamp is visible on the right edge of the page, showing the text 'CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC'.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		374.071.189.720	358.817.272.232
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	169.594.598.484	64.259.705.138
111	1. Tiền		17.594.598.484	9.259.705.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		152.000.000.000	55.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.014.727.500	20.012.959.200
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(104.048.900)	(105.817.200)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	10.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.172.753.040	47.747.646.583
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	71.832.406.922	49.552.747.480
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	13.989.459.506	10.993.554.224
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.024.192.112	6.418.130.677
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.673.305.500)	(19.216.785.798)
140	IV. Hàng tồn kho	8	123.115.321.095	191.727.059.264
141	1. Hàng tồn kho		136.494.619.172	199.967.572.735
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.379.298.077)	(8.240.513.471)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.173.789.601	35.069.902.047
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	8.168.946.601	34.181.202.062
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	548.913.782
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	4.843.000	339.786.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		147.880.747.322	157.196.991.359
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	225.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	381.800.000	225.800.000
220	II. Tài sản cố định		268.197.322	1.515.991.359
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	268.197.322	1.515.991.359
222	- Nguyên giá		11.422.736.934	12.101.644.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.154.539.612)	(10.585.652.775)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	300.000.000	300.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	146.930.750.000	155.155.200.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		129.662.000.000	129.662.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	17.581.750.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(8.144.800.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		521.951.937.042	516.014.263.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		232.762.617.633	241.362.236.463
310	I. Nợ ngắn hạn		232.762.617.633	241.362.236.463
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	47.684.298.738	59.664.990.256
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		227.910.677	359.384.549
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.175.863.218	673.136.594
314	4. Phải trả người lao động		16.454.272.755	14.644.775.430
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	31.990.590.159	26.783.495.411
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	483.657.891	426.997.787
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	125.301.821.376	132.357.194.903
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.444.202.819	6.452.261.533
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		289.189.319.409	274.652.027.128
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	289.189.319.409	274.652.027.128
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		84.096.545.170	71.611.182.843
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		21.240.214.238	19.238.020.574
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.906.904.053	31.857.167.763
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối năm nay		28.030.711.290	27.980.975.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		521.951.937.042	516.014.263.591

Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khanh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

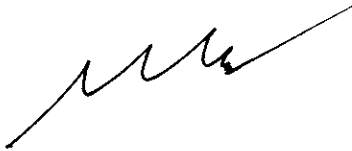
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

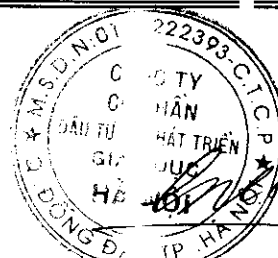
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	680.163.574.568	654.159.037.718
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	15.021.976.845	14.946.335.390
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		665.141.597.723	639.212.702.328
11	4. Giá vốn hàng bán	22	492.256.997.999	468.596.259.814
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.884.599.724	170.616.442.514
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.667.875.643	3.520.093.160
22	7. Chi phí tài chính	24	10.079.220.691	13.540.799.133
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.733.531.174	7.340.255.169
25	8. Chi phí bán hàng	25	68.377.685.937	69.161.185.087
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	48.081.702.157	41.829.673.796
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.013.866.582	49.604.877.658
31	11. Thu nhập khác		126.950.895	359.886.153
32	12. Chi phí khác		267.979.921	137.994.703
40	13. Lợi nhuận khác		(141.029.026)	221.891.450
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.872.837.556	49.826.769.108
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	10.828.964.283	9.853.947.677
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.043.873.273	39.972.821.431



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		50.872.837.556	49.826.769.108
	2. Điều chỉnh cho các khoản		18.998.519.045	19.217.686.027
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.247.794.037	2.562.326.422
03	- Các khoản dự phòng		14.325.186.008	12.661.565.634
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.307.992.174)	(3.346.461.198)
06	- Chi phí lãi vay		7.733.531.174	7.340.255.169
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.871.356.601	69.044.455.135
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(24.764.207.081)	34.102.246.536
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		63.472.953.563	(24.105.843.359)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.843.053.286)	7.820.963.996
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		26.012.255.461	(13.038.624.156)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.755.731.087)	(7.349.216.086)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.499.897.673)	(10.365.158.544)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		115.000.000	110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.129.639.706)	(6.467.466.363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		108.479.036.792	49.751.357.159
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(77.330.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(21.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.980.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.492.800.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.827.520.990	3.376.599.165
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.411.230.081	(19.680.730.835)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		332.525.493.062	395.470.409.963
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(339.580.866.589)	(392.687.510.044)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.555.373.527)	(16.717.100.081)

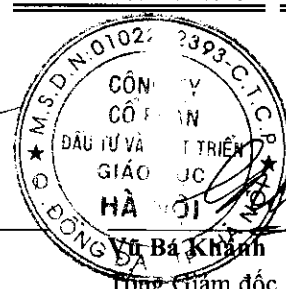
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		105.334.893.346	13.353.526.243
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		64.259.705.138	50.906.178.895
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	169.594.598.484	64.259.705.138

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 109 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 112 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá trị của hàng tồn kho.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	589.999.010	398.864.453
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.004.599.474	8.860.840.685
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	152.000.000.000	55.000.000.000
	169.594.598.484	64.259.705.138

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 152.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN với lãi suất từ 3,0% - 3,5%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	16.286.548.291	(10.336.609.076)	16.902.821.809	(10.117.117.367)
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lạng Sơn	10.775.767.600	(3.232.730.280)	722.001.718	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.666.443.821	(3.150.138.628)	1.251.027.407	-
- Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	5.359.746.826	(2.151.280.104)	2.716.780.280	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.714.077.798	-	3.958.138.703	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hồ Chí Minh	3.513.080.642	-	133.154.833	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.306.126.052	-	3.612.769.325	-
- Các khách hàng khác	21.210.615.892	(4.349.418.315)	20.256.053.405	(3.102.138.676)
	71.832.406.922	(23.220.176.403)	49.552.747.480	(13.219.256.043)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	38.257.923.988	(15.361.194.101)	24.766.870.148	(10.117.117.367)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà Máy in Bộ quốc phòng	6.335.749.647	-	9.154.989.313	-
- Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.210.278.134	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục AES	1.249.334.025	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.194.097.700	-	1.838.564.911	-
	13.989.459.506	-	10.993.554.224	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi tiền gửi	422.063.015	-	32.500.922	-
Tạm ứng	39.000.000	-	151.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	110.000.000	-	70.000.000	-
Phải thu khác	6.453.129.097	(6.453.129.097)	6.164.629.755	(5.997.529.755)
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	6.453.129.097	(6.453.129.097)	6.044.629.755	(5.997.529.755)
- Các khoản phải thu khác	-	-	120.000.000	-
	7.024.192.112	(6.453.129.097)	6.418.130.677	(5.997.529.755)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-	225.800.000	-
	381.800.000	-	225.800.000	-
b) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	6.453.129.097	(6.453.129.097)	6.044.629.755	(5.997.529.755)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Công ty đánh giá công tác chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn và đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾	10.336.609.076	-	16.902.821.809	6.785.704.442
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lạng Sơn	10.775.767.600	7.543.037.320	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.666.443.821	6.516.305.193	-	-
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội	6.453.129.097	-	6.044.629.755	47.100.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	5.359.746.826	3.208.466.722	-	-
Các đối tượng khác	5.418.424.128	1.069.005.813	4.941.467.869	1.839.329.193
	48.010.120.548	18.336.815.048	27.888.919.433	8.672.133.635

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽ⁱ⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh Express gặp nhiều khó khăn nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.551.745.227	-	78.446.366.273	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	19.099.092	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.641.891.889	-	43.522.582.683	-
Thành phẩm	24.220.710.229	(13.379.298.077)	30.711.954.942	(8.240.513.471)
Hàng hoá	26.405.373.085	-	45.221.925.513	-
Hàng gửi đi bán	10.674.898.742	-	2.045.644.232	-
	136.494.619.172	(13.379.298.077)	199.967.572.735	(8.240.513.471)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	7.541.536.737	13.207.875.127
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽ⁱⁱ⁾	-	17.743.458.948
- Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	259.000.000	3.229.867.987
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	368.409.864	-
	8.168.946.601	34.181.202.062

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽ⁱⁱ⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.011.260.988	1.090.383.146	12.101.644.134
- Thanh lý, nhượng bán	(678.907.200)	-	(678.907.200)
Số dư cuối năm	10.332.353.788	1.090.383.146	11.422.736.934
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.740.767.951	844.884.824	10.585.652.775
- Khấu hao trong năm	1.028.072.384	219.721.653	1.247.794.037
- Thanh lý, nhượng bán	(678.907.200)	-	(678.907.200)
Số dư cuối năm	10.089.933.135	1.064.606.477	11.154.539.612
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.270.493.037	245.498.322	1.515.991.359
Tại ngày cuối năm	242.420.653	25.776.669	268.197.322

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.231.068.752 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽ⁱ⁾	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	12.000.000.000	-	22.000.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2020, khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN với lãi suất 4,0%/năm.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 và năm 2019 với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Mã chứng khoán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	129.662.000.000	-	129.662.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công ⁽ⁱⁱⁱ⁾	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Lạng Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.980.000.000	-	1.980.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
Các khoản đầu tư khác	1.212.500.000	-	17.581.750.000	(8.144.800.000)
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ^(iv)	EPH 1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị trường học Việt Nam ^(v)	-	-	6.000.000.000	(1.159.200.000)
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ^(vi)	EFI -	-	10.369.250.000	(6.985.600.000)
	144.930.750.000	-	161.300.000.000	(8.144.800.000)

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^(iv) Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

^(v) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 600.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị trường học Việt Nam với giá chuyển nhượng là 6.000.000.000 VND (tương đương 10.000 VND/cổ phần).

^(vi) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 11/04/2019 đã thông qua chủ trương bán toàn bộ 1.091.500 cổ phần mà Công ty nắm giữ tại Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) theo giá bán thỏa thuận và phương thức giao dịch khớp lệnh. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc bán toàn bộ 1.091.500 cổ phần nêu trên với giá bán là 3.492.800.000 VND.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	7.543.745.298	7.543.745.298	24.183.517.878	24.183.517.878
- Công ty TNHH Phần mềm và Giải pháp Sao Khuê	7.695.553.340	7.695.553.340	7.076.150.430	7.076.150.430
- Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	-	-	3.092.573.276	3.092.573.276
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.032.248.787	1.032.248.787	993.198.795	993.198.795
- Phải trả cho các đối tượng khác	31.412.751.313	31.412.751.313	24.319.549.877	24.319.549.877
	47.684.298.738	47.684.298.738	59.664.990.256	59.664.990.256
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	11.039.545.999	11.039.545.999	25.176.725.673	25.176.725.673

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	586.049.763	469.977.852	-	116.071.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	252.754.918	10.828.964.283	10.499.897.673	-	581.821.528
Thuế thu nhập cá nhân	334.943.203	420.381.676	9.737.706.449	7.345.175.143	-	2.477.969.779
Các loại thuế khác	4.843.000	-	3.000.000	3.000.000	4.843.000	-
	339.786.203	673.136.594	21.155.720.495	18.318.050.668	4.843.000	3.175.863.218

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.587.261	63.787.174
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	24.348.191.709	24.327.699.444
Chi phí hỗ trợ phát hành sách	5.080.706.122	-
Chi phí phải trả khác	2.520.105.067	2.392.008.793
	31.990.590.159	26.783.495.411

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	403.657.891	311.552.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.000.000	115.444.945
	483.657.891	426.997.787



17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	32.683.482.231	32.683.482.231	219.736.336.132	226.857.115.857	25.562.702.506	25.562.702.506
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	63.133.450.891	63.133.450.891	10.716.922.493	-	73.850.373.384	73.850.373.384
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	-	-	70.482.733.758	44.593.988.272	25.888.745.486	25.888.745.486
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	36.540.261.781	36.540.261.781	31.589.500.679	68.129.762.460	-	-
	132.357.194.903	132.357.194.903	332.525.493.062	339.580.866.589	125.301.821.376	125.301.821.376

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và tổ chức khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng kế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	25.562.702.506	32.683.482.231
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	VND	5,50%	Tín chấp	73.850.373.384	63.133.450.891
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng kế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	25.888.745.486	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng kế ước	Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	36.540.261.781
				125.301.821.376	132.357.194.903

Mục đích vay ngắn hạn từ ngân hàng và tổ chức khác của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Trong đó: Các khoản vay đối với các bên liên quan

Khoản vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con), trong đó: gốc vay tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 63.133.450.891 VND và 73.850.373.384 VND; chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2020 và năm 2019 lần lượt là 3.639.630.066 VND và 3.037.486.790 VND.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	60.935.861.273	17.239.379.502	30.054.232.190	260.175.128.913
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	39.972.821.431	39.972.821.431
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.678.039.427	-	(6.678.039.427)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(5.995.923.215)	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	-	-	(3.997.282.144)	(3.997.282.144)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	-	-	(1.998.641.072)	(1.998.641.072)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	71.611.182.843	19.238.020.574	31.857.167.763	274.652.027.128
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	40.043.873.273	40.043.873.273
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.480.975.000	-	(8.480.975.000)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	4.004.387.327	2.002.193.664	(6.006.580.991)	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(4.004.387.328)	(4.004.387.328)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(2.002.193.664)	(2.002.193.664)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	84.096.545.170	21.240.214.238	31.906.904.053	289.189.319.409

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2019 trên Báo cáo tài chính riêng		39.972.821.431
Đã tạm phân phối trong năm 2019 như sau		11.991.846.431
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.997.282.143
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.997.282.144
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.998.641.072
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.998.641.072
Phân phối phần lợi nhuận năm 2019 còn lại trong năm nay		27.980.975.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	21%	8.480.975.000
- Chi trả cổ tức	13%/cổ phần	19.500.000.000
<i>(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)</i>		
Lợi nhuận năm 2019 còn lại chưa phân phối		-

Theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2020 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2020 trên Báo cáo tài chính riêng		40.043.873.273
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	4.004.387.327
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.004.387.328
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.002.193.664
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.002.193.664
Lợi nhuận năm 2020 còn lại chưa phân phối		28.030.711.290

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	Tỷ lệ %	01/01/2020 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
AFC VF Limited	10.586.000.000	7,06%	8.969.000.000	5,98%
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	7.581.890.000	5,05%	-	0,00%
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	-	0,00%	7.581.890.000	5,05%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	63.770.110.000	42,52%	65.387.110.000	43,60%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.500.000.000	19.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>19.500.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	19.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>19.500.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	84.096.545.170	71.611.182.843
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.240.214.238	19.238.020.574
	<u>105.336.759.408</u>	<u>90.849.203.417</u>

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	6.006.632.727	10.067.983.144
- Từ 1 năm đến 5 năm	9.384.185.455	12.033.636.378
- Trên 5 năm	720.000.000	1.041.322.324

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	485.071.471.199	389.376.517.816
Doanh thu bán sách tham khảo	134.890.280.634	161.479.836.544
Doanh thu bán vật tư	2.097.055.127	52.460.441.752
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	58.104.767.608	50.842.241.606
	680.163.574.568	654.159.037.718
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	159.267.499.290	114.431.757.681

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.612.755.342	9.896.820.514
Hàng bán bị trả lại	4.409.221.503	5.049.514.876
	15.021.976.845	14.946.335.390

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	327.397.945.162	255.810.154.334
Giá vốn bán sách tham khảo	115.297.303.202	128.128.810.964
Giá vốn bán vật tư	2.153.112.629	52.318.229.379
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	42.269.852.400	26.929.928.550
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.138.784.606	5.409.136.587
	492.256.997.999	468.596.259.814
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	92.714.395.921	106.014.258.147

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.145.833.083	2.274.773.698
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.250.000	1.071.687.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	450.792.560	173.631.962
	4.667.875.643	3.520.093.160
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	1.071.250.000	1.071.250.000

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.733.531.174	7.340.255.169
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.610.188.909	4.169.053.026
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.270.118.300)	2.028.311.750
Chi phí tài chính khác	5.618.908	3.179.188
	10.079.220.691	13.540.799.133

Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan **3.639.630.066** **3.037.486.790**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.071.269	1.148.595.986
Chi phí nhân công	23.899.229.221	22.836.423.542
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	63.108.271	134.836.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.944.990	372.083.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.701.711.524	21.689.903.887
Chi phí khác bằng tiền	22.462.620.662	22.979.342.427
	68.377.685.937	69.161.185.087

Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan **1.764.050.302** **2.295.186.880**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.636.056	2.436.240.768
Chi phí nhân công	15.925.262.459	13.399.503.860
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	423.921.210	497.758.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.244.849.047	2.190.243.399
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	10.456.519.702	5.224.117.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.223.254.452	12.468.096.337
Chi phí khác bằng tiền	7.632.259.231	5.610.713.378
	48.081.702.157	41.829.673.796

Trong đó: Chi phí quản lý mua của các bên liên quan **5.524.811.296** **5.545.251.053**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.872.837.556	49.826.769.108
Các khoản điều chỉnh tăng	497.051.024	514.656.779
- Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND	83.519.212	354.656.779
- Các khoản phạt, chậm nộp thuế	253.531.812	-
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	160.000.000	160.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.071.250.000)	(1.071.687.500)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.071.250.000)	(1.071.687.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	50.298.638.580	49.269.738.387
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	769.236.567	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	10.828.964.283	9.853.947.677
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	252.754.918	763.965.785
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(10.499.897.673)	(10.365.158.544)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	581.821.528	252.754.918

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	220.731.412.102	218.230.570.732
Chi phí nhân công	39.824.491.680	36.235.927.402
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	487.029.481	632.594.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.247.794.037	2.562.326.422
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	10.456.519.702	5.224.117.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.353.582.198	119.319.561.167
Chi phí khác bằng tiền	30.094.879.893	28.590.055.805
	438.198.709.093	410.798.153.804

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.594.598.484	-	64.259.705.138	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.238.399.034	(29.673.305.500)	56.196.678.157	(19.216.785.798)
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(104.048.900)	118.776.400	(105.817.200)
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	11.581.750.000	(6.985.600.000)
	260.164.273.918	(29.777.354.400)	152.156.909.695	(26.308.202.998)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	125.301.821.376	132.357.194.903
Phải trả người bán, phải trả khác	48.167.956.629	60.091.988.043
Chi phí phải trả	31.990.590.159	26.783.495.411
	205.460.368.164	219.232.678.357

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư ngắn hạn	14.727.500	-	-	14.727.500
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	14.727.500	1.212.500.000	-	1.227.227.500
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	12.959.200	-	-	12.959.200
Đầu tư dài hạn	-	4.596.150.000	-	4.596.150.000
	12.959.200	4.596.150.000	-	4.609.109.200

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền	169.594.598.484	-	-	169.594.598.484
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.183.293.534	381.800.000	-	49.565.093.534
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	228.777.892.018	381.800.000	-	229.159.692.018
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.259.705.138	-	-	64.259.705.138
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.754.092.359	225.800.000	-	36.979.892.359
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	121.013.797.497	225.800.000	-	121.239.597.497

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	125.301.821.376	-	-	125.301.821.376
Phải trả người bán, phải trả khác	48.167.956.629	-	-	48.167.956.629
Chi phí phải trả	31.990.590.159	-	-	31.990.590.159
	205.460.368.164	-	-	205.460.368.164
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	132.357.194.903	-	-	132.357.194.903
Phải trả người bán, phải trả khác	60.091.988.043	-	-	60.091.988.043
Chi phí phải trả	26.783.495.411	-	-	26.783.495.411
	219.232.678.357	-	-	219.232.678.357

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau (Riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17):

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng		159.267.499.290	114.431.757.681
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	389.756.634	415.749.185
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	80.786.422	375.178.284
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	21.554.760.302	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	50.474.859.115	41.084.160.905
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	209.619.409	68.084.712
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	1.202.520
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	16.548.381.670	19.729.543.920
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	12.077.694.643	8.362.676.380
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	19.954.851.015	21.305.413.734
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	1.063.421.935	-
Công ty CP Kỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	5.305.613.731	6.283.042.778
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	13.559.903.534	1.141.806.536
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.187.398.450	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	6.848.412.584	4.453.547.728
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	44.781.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	15.836.600	716.652.700
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	19.727.824
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	9.996.203.246	10.430.189.475

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		92.714.395.921	106.014.258.147
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	3.517.543.150	1.182.816.236
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	31.359.815.839	59.995.295.913
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	8.154.035.100	10.342.705.360
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	8.273.858.907	8.989.641.428
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	11.030.940.532	9.729.790.957
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	6.235.006.633	1.981.743.811
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	6.445.516.470	6.658.832.760
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	7.148.055.524	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.460.950.396	2.301.748.064
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.007.496.150	1.777.003.106
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	578.430.000	450.000.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	94.725.674	246.517.096
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	868.917.600	301.640.251
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.583.190.952	362.353.104
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	168.149.420	74.040.540
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	6.500.000	29.562.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	337.628.305	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	86.015.840	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	353.344.945	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	2.916.427.038	723.445.436
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	84.599.446	100.295.685
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.248.000	766.826.400
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng		7.288.861.598	7.840.437.933
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	5.524.811.296	5.545.251.053
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.158.454.213	1.645.442.979
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	605.596.089	649.743.901
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.071.250.000	1.071.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
Lãi vay phải trả		3.639.630.066	3.037.486.790
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	3.639.630.066	3.037.486.790

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		38.257.923.988	24.766.870.148
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	-	331.337.464
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	16.286.548.291	16.902.821.809
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	2.430.713.512	3.422.537.990
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	10.775.767.600	722.001.718
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	24.630.830	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	119.081.310	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.016.214.230	1.500.323.276
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	808.412.205	334.288.059
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	740.897.394	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.222.080	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	2.541.355.894	1.420.404.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.513.080.642	133.154.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	100.000.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	100.000.000
Phải thu khác ngắn hạn		6.453.129.097	6.044.629.755
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.453.129.097	6.044.629.755
Phải trả cho người bán ngắn hạn		11.039.545.999	25.176.725.673
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	1.687.117.564	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	7.543.745.298	24.183.517.878
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.032.248.787	993.198.795
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	3.430.000	-
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	17.214.000	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	9.000
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	755.790.350	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		1.012.243.850	985.014.668
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2.384.339.623	2.269.948.800

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

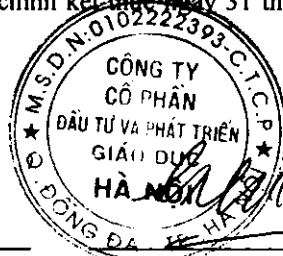
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

